

Trách nhiệm Mở rộng của nhà Sản xuất

thành tố quan trọng trong giải pháp
về rác thải bao bì và ô nhiễm

Lời tuyên bố của các bên có liên quan
chính trong chuỗi giá trị về bao bì và sự
trình bày ý kiến của quỹ Ellen MacArthur



TUYÊN BỐ

Lời kêu gọi thực hiện các chương trình về Trách nhiệm Mở rộng đối với nhà Sản xuất về đóng gói và bao bì

Là một nhóm các đơn vị kinh doanh và các bên liên quan trong chuỗi sản xuất bao bì, chúng tôi kêu gọi triển khai các chương trình về Trách nhiệm Mở rộng đối với nhà Sản xuất - Extended Producer Responsibility (EPR) trong đóng gói và bao bì. Chúng tôi thừa nhận rằng EPR là một cấu phần cần thiết trong giải pháp tạo ra nền kinh tế bao bì tuần hoàn mà chúng ta đang hướng tới. Các hoạt động EPR, mà thông qua đó, tất cả bên liên quan của các ngành khi đưa bao bì ra thị trường cần phải đóng góp tài chính cho hoạt động thu gom và xử lý bao bì sau sử dụng, được chứng minh là cách thức duy nhất và có khả năng cung cấp nguồn tài chính cần thiết. Nếu không có các chính sách đó, việc thu gom và tái chế bao bì sẽ không thể mở rộng quy mô và hàng chục triệu tấn bao bì sẽ tiếp tục bị thải ra môi trường mỗi năm.

Để giải quyết rác thải bao bì và các khủng hoảng về ô nhiễm, phương pháp tiếp cận kinh tế tuần hoàn tổng hợp là yêu cầu bắt buộc. Chúng ta phải: loại bỏ bao bì không cần thiết, sáng chế các loại bao bì cần thiết có thể tái sử dụng, tái chế hoặc phân huỷ được; và luân chuyển tất cả bao bì chúng ta sử dụng, giữ chúng trong nền kinh tế và không thải ra môi trường. Các tiếp cận kinh tế tuần hoàn này sẽ tạo ra các tác động rất rõ ràng về kinh tế, môi trường và xã hội; đồng thời đóng góp vào việc giải quyết các thách thức toàn cầu chính, như ô nhiễm rác thải nhựa, biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học.

Lưu thông những bao bì không thể bỏ hoặc tái sử dụng liên quan tới việc thu gom, phân loại và tái chếⁱⁱ. Tuy nhiên, quá trình này sẽ thực tế đòi hỏi chi phí ròng cho tất cả các loại bao bì ở hầu hết các vùng địa lý khác nhauⁱⁱⁱ. Theo thời gian, giá trị kinh tế có thể được cải thiện đáng kể thông qua các thiết kế tối ưu hơn, tiến bộ về công nghệ và các ngành kinh tế quy mô. Tuy nhiên, trong nhiều năm tới, cơ chế để đảm bảo nguồn kinh phí riêng biệt, tiếp diễn và hiệu quả là cần thiết để trang trải cho các chi phí ròng này. Nếu không có cơ chế tài chính đó, việc thu gom và tái chế bao bì sẽ không

thể đạt được quy mô cần thiết và hàng chục triệu tấn bao bì sẽ bị thải ra môi trường mỗi năm.

Trong khi đó, về lý thuyết, sẽ có nhiều cách để cung cấp nguồn kinh phí này. Nhưng trên thực tế, con đường được chứng minh là duy nhất và có khả thi để đảm bảo nguồn kinh phí chuyên biệt, tiếp diễn và hiệu quả cho hoạt động này là thông qua các chương trình EPR có đóng phí, ở đó tất cả đối tác tham gia các ngành công nghiệp khi đưa bao bì ra thị trường cần phải đóng khoản kinh phí nhất định cho việc thu gom và xử lý bao bì đó sau khi sử dụng.

Những phương án khác - như thông qua các nguồn kinh phí công hoặc từ các đóng góp tự nguyện - sẽ khó khả thi trong việc đẩy quy mô chương trình tới mức cần thiết và cũng sẽ khiến nguồn tài chính chuyên biệt, tiếp diễn và hiệu quả bị thiếu hụt.

Ngoài ra, các chương trình EPR không chỉ là đơn giản là cơ chế về tài chính, chúng còn mang lại nhiều lợi ích khác như đẩy mạnh tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống và khuyến khích các giải pháp đóng gói đầu nguồn.

Thiết kế và triển khai các chương trình EPR là tối quan trọng để đảm bảo tính hiệu quả. Không có một chương trình EPR nào đang hiện hữu là hoàn hảo và cần cân nhắc rất nhiều yếu tố khác nhau trong suốt quá trình thiết kế và vận hành một chương trình EPR, bao gồm bối cảnh địa phương và các chính sách vĩ mô về kinh tế tuần hoàn. Do đó, chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục làm việc một cách tích cực với các bên liên quan để làm cho EPR được vận hành tốt ở các khu vực địa lý khác nhau trên toàn cầu, bởi vì chúng tôi nhận thấy vai trò quan trọng của chương trình này như một phần của giải pháp về xử lý rác thải bao bì.

Cuối cùng, chúng tôi cũng thấy rằng EPR đóng vai trò quan trọng trong các giải pháp về rác thải bao bì và ô nhiễm, nhưng để vận hành hiệu quả, hệ thống chính sách hỗ trợ, sự tham gia tự nguyện của các ngành kinh tế và đổi mới hướng tới kinh tế tuần hoàn về đóng gói là vô cùng cần thiết.

Với tuyên bố này, chúng tôi bày tỏ công khai các hỗ trợ của chúng tôi cho việc vận hành EPR:

- 1 Đảm bảo rằng tổ chức của chúng tôi ủng hộ, và các hoạt động của chúng tôi theo sát với tuyên bố này.
- 2 Thúc đẩy các chương trình liên kết có tính xây dựng với các Chính phủ và những bên liên quan khác: kêu gọi thiết lập hệ thống pháp lý hỗ trợ cho các chương trình EPR và ủng hộ tiếp tục hỗ trợ vận hành và cải thiện hiệu quả các hoạt động EPR trong bối cảnh của từng địa phương.
- 3 Liên kết với các đối tác và hiệp hội có liên quan cũng như các chương trình hợp tác mà chúng tôi là thành viên để thống nhất quan điểm cũng như chương trình hành động tương ứng.

Đơn vị bảo trợ

Tuyên bố trên đây được ủng hộ và xác nhận bởi các tổ chức liệt kê dưới đây. Thư trình bày ý kiến sau đây là hoạt động của Quỹ Ellen MacArthur Foundation. Trong khi tuyên bố trên đây dựa trên các quan điểm chính được trình bày trong thư trình bày ý kiến, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc tất cả các nội dung, thành phần của thư trình bày ý kiến được bảo trợ bởi tất cả các tổ chức này.

Thương hiệu và Các đơn vị Bán lẻ

Beiersdorf AG	Ferrero	Mars Inc	Splosh Ltd
BEL Group	FrieslandCampina	Nestlé SA	SWANIA
Clif Bar & Company	H&M Group	PepsiCo	The Coca-Cola Company
Danone	Henkel AG & Co. KGaA	Pick n Pay	Unilever
Diageo	INDITEX	Preserve	Walmart
Earthwise Group Ltd	L'Occitane-En-Provence	Reckitt	Werner & Mertz GmbH
Eco MYO Cosmetic Cases Inc.	L'OREAL	Schwarz Group	
Erno Laszlo	Life Without Plastic	SOVENA	

Nhà sản xuất, tái chế và các đơn vị kinh doanh khác

Albea	DS Smith	James Cropper PLC	RecyclePoints
Algramo	Dynapack Asia	John Swire & Sons (HK) Ltd.	SAP SE
ALPLA Werke Alwin Lehner GmbH & Co KG	Eastman	Koepala Packaging	Silafrica Plastics & Packaging Intl Ltd
APK AG	ECOCE A C	LOLIWARE Inc.	Swire Coca-Cola Ltd
Aquapak Polymers	Ecoiberia SA	Loop Industries	TCTranscontinental
Archemics	ECOPIXEL / WET Srl	Luhai Pro-environment Inc.	Termoencogibles S.A. de CV. (TERNOVA GROUP)
BASF	Ecopod Kiosk	Mondi	TerraCycle
BELL Holding	ECOR Global	Mr. Green Africa	Tetra Pak
Berry Global	Envases Universales	Myplas	The Better Packaging Co
BioPak	Futamura	Notpla	TIPA' Compostable Packaging
Boomera Brasil Ltda	Gemini Corporation N.V.	NOVAPET	TOMRA
Borealis AG	Greiner AG	Nutramara	Umincorp
CCL Label	Hera Group	Plastic Bank	UPM Raflatac
Cedo	INCOM Recycle Co., Ltd.	Plastic Collective	Veolia
Coca-Cola FEMSA	Indorama Venture PCL	Plastic Energy	Waste4Change
Delphis Eco Ltd	INDUSTRIA MEXICANA DE RECICLAJE S.A. DE CV	Pöppelmann	

Nhà đầu tư, Quản lý Tài sản và các Đơn vị Tài chính

ACTIAM	Boston Common Asset Management	ESG Portfolio Management GmbH	Mirova Natural Capital
As You Sow	Circularity Capital	European Investment Bank (EIB)	Agrecovery Foundation
BNP Paribas Asset Management	Closed Loop Partners	Mercy Investment Services, Inc.	

Chuyên gia, các đơn vị tư vấn và chuyên môn

APWC	Iönica	RePack	SYSTEMIQ
Canadian Stewardship Services Alliance	Kiduara BV	Rubicon	Waste Ventures India Private Limited
Digimarc	Landbell Group	Searious Business	Wealth of Flows Consulting Ltd
Dragon Rouge	Lorax EPI	South Pole	Yunus Environment Hub
EPRO	PREVENT Waste Alliance	St. Afvalfonds Verpakkingen (Packaging Waste Fund Foundation)	
GIZ GmbH	Quantis	SUST4IN	

Học giả, NGO và các tổ chức khác

Adrian Dominican Sisters, Portfolio Advisory Board	Congregation of St. Joseph	Netherlands Institute for Sustainable Packaging	Center
AGMPM	Daughters of Charity, Province of St. Louise	Oak Foundation	Sostenibilidad 3Rs Inc.
APLM - Portuguese Marine Litter Association	ELISAVA	Oceanium	The Green Earth
Association of Plastic Recyclers	Enviro Pride	Plant Chicago	The Pew Charitable Trusts
Bioproducts Discovery and Development Centre (BDDC), University of Guelph, Ontario, Canada	Independent/ UC Davis Industrial Ecology Program	PLASTIC ODYSSEY	The Recycling Partnership
Californians Against Waste	Indian Plastics Institute	Plastics Recyclers Europe	University of São Paulo
CAPTURE	Life Cycle Initiative	Recyclers Association of Nigeria	WWF
	Materiom	Reusable Packaging Association	Π3=Plastic Pollution Prevention
		Shanghai Rendu Ocean NPO Development	

- i. Quỹ Ellen MacArthur, Quan điểm về “Nghiên cứu về Phá vỡ làn sóng bao bì nhựa” (2020)
- ii. Tái chế bao gồm vật liệu tái chế cũng như tái chế hữu cơ được hướng dẫn trong ISO 18601:2013 tới ISO 18606:2013 trong tài liệu “Đóng gói Môi trường”
- iii. Lưu ý rằng khi tái chế không khả thi, việc thu gom và tiêu hủy bao bì cũng tốn chi phí.

Ghi chú: Việc thực hiện cam kết “đảm bảo rằng tổ chức của chúng tôi ủng hộ tuyên bố này” là một tuyên bố về ý định của những đơn vị bảo trợ tham gia vào các nỗ lực một cách thiện chí.

THƯ TRÌNH BÀY Ý KIẾN

Nội dung

1

Giới thiệu 6

2

Thu gom, phân loại và tái chế bao bì tốn chi phí, con số lên tới 10 tỷ đô la Mỹ mỗi năm 8

3

Điều quan trọng là chi phí này cần được chi trả bởi nguồn kinh phí riêng biệt, liên tiếp và hiệu quả 10

4

Trong khi về lý thuyết, có nhiều cách để gây quỹ, nhưng những chương trình EPR là mô hình duy nhất được chứng minh là đạt đủ tiêu chí riêng biệt, tiếp diễn và hiệu quả trong thực tế 11

5.

EPR là một công cụ chính sách phổ biến đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới 13

6

Thiết kế chương trình là chìa khoá quan trọng để đạt hiệu quả

7

Chương trình EPR cần thiết, nhưng chưa đủ để giải quyết các vấn đề về rác thải bao bì và ô nhiễm 19

1 | Giới thiệu

Chúng ta đang đối mặt với một vấn đề toàn cầu chính liên quan tới rác thải bao bì và ô nhiễm. Chỉ riêng rác thải nhựa là một ví dụ (xem biểu đồ 1), chỉ 14% được thu gom và tái chế, trong khi đó, đáng kinh ngạc là có tới 1/3 bao nhựa thải ra ngoài môi trường và hơn một nửa bị đốt hoặc chôn lấp.¹ Nếu chúng ta tiếp tục theo dõi, lượng rác thải nhựa thải ra đại dương mỗi năm sẽ tăng gấp 3, từ 11 triệu tấn vào 2016 lên 29 triệu tấn vào 2040 và kho nhựa đại dương sẽ tăng lên 4 lần với hơn 600 triệu tấn² – đưa chúng ta tới đại dương có nhiều rác hơn cá vào năm 2050.³

Cách thức tiếp cận kinh tế tuần hoàn toàn diện đang ngày càng được xem là giải pháp duy nhất để hướng tới tăng trưởng quy mô chương trình quản lý rác thải và ô nhiễm trên toàn cầu cho vấn đề về bao bì và hơn thế nữa. Kinh tế tuần hoàn phát huy vai trò nhiều hơn là chỉ điều trị triệu chứng của nền kinh tế “nắm giữ, sản xuất, lãng phí” (take-make-waste) hiện tại. Đây là một ý tưởng lớn giải quyết tận gốc nhiều thách thức toàn cầu khác như rác thải và ô nhiễm, biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học – đồng thời tạo ra các cơ hội phát triển tiềm năng hơn. Chương trình này có thể tăng quy mô nhanh chóng trong nhiều ngành công nghiệp, cung cấp giải pháp mà mọi người đều đang mong chờ.

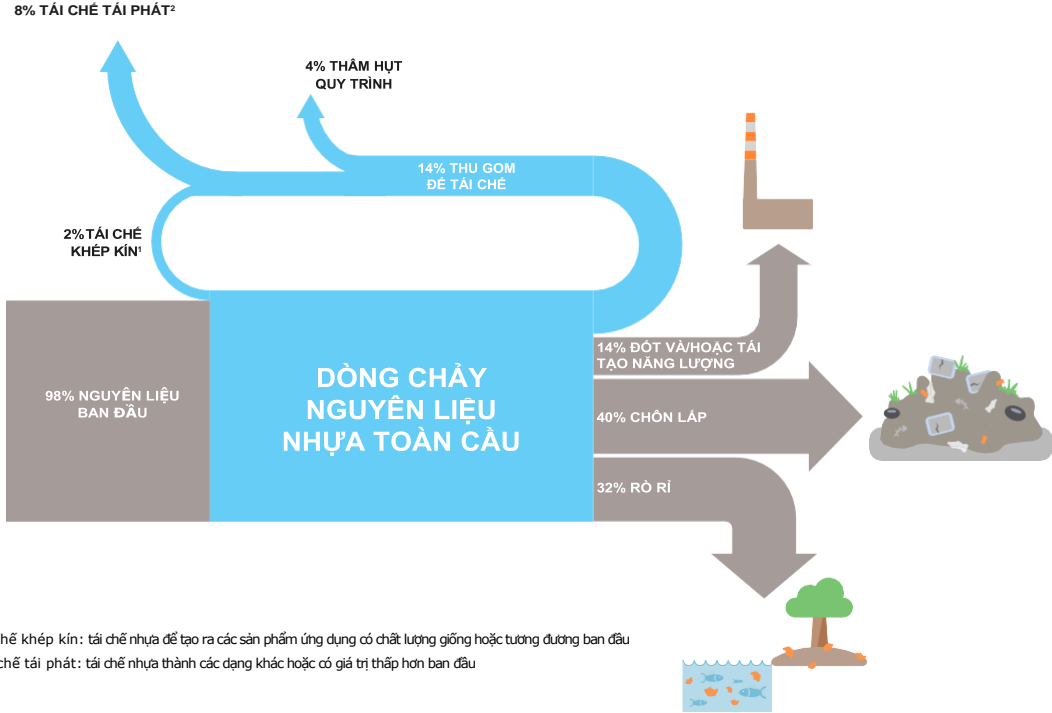
Thông qua Cam kết Toàn Cầu về nền Kinh tế Nhựa Mới (New Plastics Economy Global Commitment) và nhiều Hiệp ước về Nhựa khác (Plastic Pacts), có hơn 1000 tổ chức đã thống nhất cùng tầm nhìn của quỹ Ellen MacArthur về kinh tế tuần hoàn đối với bao bì nhựa, trong đó chúng ta **loại bỏ** bao bì không cần thiết, **sáng chế** các loại bao bì cần thiết có thể tái sử dụng, tái chế hoặc phân hủy được; và **luân chuyển** tất cả bao bì chúng ta sử dụng, giữ chúng trong nền kinh tế và không thải ra môi trường. Cách tiếp cận kinh tế tuần hoàn như vậy sẽ cho phép chúng ta tái thiết kế lại toàn bộ hệ thống đóng gói, tạo ra những lợi ích rõ ràng về kinh tế, môi trường, khí hậu và việc làm.⁴

Các doanh nghiệp chiếm hơn 20% tổng lượng bao bì nhựa sử dụng trên toàn cầu đã đặt ra mục tiêu 2050 khá tham vọng để hiện thực hoá tầm nhìn này. Đã có những bước tiến ban đầu, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều việc cần làm, với tốc độ và quy mô lớn hơn để phù hợp với kích thước của vấn đề.⁵ Để đẩy mạnh những bước tiến mới, một số thách thức cơ bản cần phải được giải quyết.

Tài liệu này sẽ tập trung vào một trong các thách thức đó: Cải thiện và tăng quy mô các hệ thống thu gom, phân loại và tái chế⁶ trên toàn cầu cho các loại bao bì không thể loại bỏ hoặc tái sử dụng.

Trong khi các giải pháp đầu nguồn để cải thiện và mở rộng quy mô thu gom, phân loại và tái chế là chưa đủ để giải quyết vấn đề, tăng quy mô của hoạt động này là một phần cần thiết của giải pháp tổng thể. Ước tính rằng, hiện nay có khoảng 2 tỷ người trên toàn cầu đang không thể tiếp cận với các dịch vụ thu gom chất thải rắn có tổ chức,⁷ và với quỹ đạo hiện tại, con số này có thể lên tới 4 tỷ vào năm 2040.⁸

Biểu đồ 1: Dòng chảy vật liệu bao bì nhựa toàn cầu vào năm 2015
Nguồn: Quỹ Ellen MacArthur Foundation, Nền Kinh tế Nhựa Mới: Nghĩ lại về tương lai của nhựa (2016)



Đặc biệt, ấn phẩm này xem xét việc khắc phục một trong các trở ngại lớn nhất của việc mở rộng quy mô, hệ thống thu gom, phân loại và tái chế: đó là làm cho các nền kinh tế vận hành.

Ấn phẩm này nêu rõ lý do tại sao các chương trình EPR bắt buộc và có đóng phí (theo như định nghĩa trong Hộp thông tin 1) - một cấu phần cần thiết của giải pháp - là con đường duy nhất đã được chứng minh và có khả năng đảm bảo nguồn kinh phí cần thiết để mở rộng các hệ thống này trong phạm vi được yêu cầu.

Thừa nhận rằng việc thiết kế và vận hành các hệ thống EPR trong thực tế là rất quan trọng cho sự thành công của các chương trình này, tài liệu này sẽ liệt kê một vài yếu tố chính cần cân nhắc và xem xét khi lên phương án thiết kế một chương trình EPR. Tuy nhiên, tài liệu này không đưa ra các hướng dẫn cụ thể để thiết kế và vận hành các chương trình đó – các hướng dẫn đó có thể tham khảo trong rất nhiều ấn phẩm khác (xem Chương 6).

Hoạt động này hợp nhất một loạt các bên liên quan chính, tất cả đều công nhận rõ ràng sự cần thiết của các chương trình EPR về đóng gói và bao bì; cam kết làm việc có tính xây dựng với các bên liên quan khác để triển khai một cách tốt nhất; đồng thời thừa nhận rằng có nhiều khía cạnh cần được xem xét ở mỗi khu vực địa lý. Bằng cách đó, mục tiêu của ấn phẩm là để gửi một thông điệp mạnh mẽ về sự đồng thuận và tạo ra động lực rộng rãi để đẩy nhanh việc phát triển và thực hiện các chương trình EPR về bao bì và đóng gói trên khắp thế giới. Chỉ khi làm được điều đó, việc mở rộng quy mô hệ thống thu gom, phân loại và tái chế mới có thể được thực hiện và từ đó vượt qua một trong những rào cản chính để đạt được nền kinh tế tuần hoàn đối với bao bì.

Cần lưu ý rằng, khi các chương trình EPR được áp dụng với nhiều sản phẩm khác nhau hơn là cho việc đóng gói, và khi các kiến thức về hoạt động này có thể cũng phù hợp để tạo ra nền kinh tế tuần hoàn cho các sản phẩm khác; thì ấn phẩm này sẽ tập trung vào chương trình EPR cho bao bì và đóng gói.

Cuối cùng, cũng cần lưu ý rằng, mặc dù ấn phẩm này đề cập tới EPR trong bối cảnh giải quyết các thách thức về kinh phí của việc mở rộng quy mô hệ thống thu gom, phân loại và tái chế, EPR sẽ không phải chỉ là cơ chế về kinh phí mà còn nhiều hơn thế. Thông tin tại Chương 5.

Hộp thông tin 1: Trách nhiệm Mở rộng đối với nhà Sản xuất (EPR) là gì ?

Xuyên suốt trong ấn phẩm này, ngoại trừ một số điểm được chỉ rõ, EPR là thuật ngữ để chỉ tới các hoạt động/ hệ thống Trách nhiệm Mở rộng đối với nhà Sản xuất bắt buộc và có đóng phí liên quan tới đóng gói, như được mô tả dưới đây.

EPR theo định nghĩa của OECD là “một cách thức tiếp cận về chính sách môi trường ở đó trách nhiệm của nhà sản xuất được mở rộng tới bước sau tiêu dùng của một vòng đời sản phẩm.”⁹ Lấy ví dụ về đóng gói, điều này có nghĩa là bất kỳ ai đưa bao bì hoặc các sản phẩm có chứa bao bì hoặc được đóng gói vào thị trường của một quốc gia nào đó thì vẫn còn trách nhiệm đối với bao bì đó sau khi chúng được sử dụng.

EPR là chính sách dựa trên hiệu suất mà ở đó các kết quả và mục tiêu cụ thể đã được thiết lập và quy định bởi luật, và do đó đi cùng với vai trò và trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình cung ứng các sản phẩm này. Cách thức / phương tiện mà qua đó các kết quả và mục tiêu này đạt được sẽ là thuộc trách nhiệm của các bên có liên quan.

Nói chung, hệ thống pháp lý cho phép các công ty có thể lựa chọn thực hiện đầy đủ trách nhiệm của họ một cách riêng lẻ bằng cách thiết lập và vận hành hệ thống thu gom, phân loại và tái chế hoặc theo cách tập thể bằng việc tham gia vào một tổ chức hoặc hệ thống chung. Cách thức thứ hai thường là phổ biến hơn đối với bao bì, mà theo đó các trách nhiệm tập thể được thực thi đầy đủ thông qua một Tổ chức Trách Nhiệm của các nhà Sản xuất - Producer Responsibility Organisation (PRO).¹⁰

Các Tổ chức Trách Nhiệm của các nhà Sản xuất (PROs)

Trong hệ thống EPR tập thể, các công ty có nghĩa vụ pháp lý ủy thác trách nhiệm của họ (toàn bộ hoặc một phần) cho bên thứ ba. Thông thường - nhưng không loại trừ - bên thứ ba là một PRO chung để quản lý và thực hiện các nghĩa vụ đối với bao bì sau khi sử dụng thay mặt cho họ^{11,12,13} và điều phối các hoạt động trong phạm vi được xác định của tổ chức đó. Để chi trả các chi phí cần thiết cho việc thực hiện để đạt được các kết quả và mục tiêu ràng buộc về mặt pháp lý, PRO yêu cầu một khoản phí đóng góp từ các công ty có nghĩa vụ pháp lý.

Phí

Hoạt động thanh toán cho PRO thường được cung cấp thông qua phí bao bì mà mỗi công ty có nghĩa vụ đóng cho PRO. Hệ thống EPR như thế có thể được xem là một hệ thống EPR có thu phí, mà trong phạm vi của nó, quy mô, thiết kế và hệ thống vận hành/ quản lý rất khác nhau tại các quốc gia.

Nói chung, các mức phí được quyết định dựa trên khối lượng và loại bao bì được đưa ra thị trường, cũng như chi phí ròng của việc quản lý các bao bì đó sau sử dụng. Phần lớn các hệ thống, mức phí được chi trả bởi các doanh nghiệp giới thiệu các sản phẩm được đóng gói hoàn chỉnh vào thị trường (có nghĩa là nhà cung cấp/ nhà sản xuất/ nhà nhập khẩu...) bởi đây là đối tượng có khả năng kiểm soát tốt nhất đối với các thiết kế của các bao bì.¹⁴

Trong hệ thống EPR tính phí, quỹ vẫn được bảo đảm và chỉ dành riêng cho việc quản lý bao bì sau sử dụng và các hoạt động có liên quan - điều này cần được xác định rõ ràng trong phạm vi của quy định của EPR và trách nhiệm của cơ quan PRO thành viên.

2 | Thu gom, phân loại và tái chế bao bì phát sinh chi phí ròng, tổng chi phí toàn cầu mỗi năm lên tới 10 tỷ đô la Mỹ

Giá trị kinh tế của của hoạt động thu gom, phân loại và tái chế không thể gộp với nhau

Quy trình thu gom, phân loại và tái chế bao bì luôn tốn kém hơn rất nhiều so với lợi nhuận có được từ việc bán các nguyên liệu đã tái chế. Điều này luôn đúng với tất cả các loại bao bì và ở hầu hết các khu vực địa lý hiện nay.^{15,16}

Nơi các bao bì hiện đã được tái chế, việc thu gom và/hoặc phân loại và/hoặc tái chế thường được tài trợ kinh phí bởi các hệ thống EPR hoặc được nhà nước cấp vốn. Hầu hết các mô hình tái chế không được tài trợ và điều tiết theo thị trường chỉ chỉ có thể có khi có những người làm nghề thu nhặt rác và tự phân loại để bán lại với chi phí rất thấp và trong điều kiện làm việc bấp bênh – và kể cả như vậy thì nó cũng chỉ dành cho một số loại bao bì các ‘giá trị cao’.

Tương tự như vậy, ở những nơi bao bì chưa được tái chế, việc thu gom và phân huỷ hoặc đốt rác thải bao bì cũng sẽ tốn chi phí. Điều này có nghĩa rằng ở bất cứ hệ thống nào hướng đến việc thu gom các loại bao bì – không chỉ là các bao bì có giá trị cao – đều đòi hỏi cần có nguồn kinh phí chuyên biệt để trang trải các chi phí cần thiết và ngăn không cho rác thải ra môi trường ngay lập tức.

Kể cả trong tình huống tốt nhất, chi phí ròng của việc thu gom, phân loại và tái chế bao bì trên toàn cầu cũng lên tới 10 tỷ đô la Mỹ mỗi năm

Kể cả trong trường hợp tốt nhất, chỉ tính riêng cho các bao bì nhựa sử dụng trong gia đình, ước tính cần có khoảng 30 triệu đô la Mỹ mỗi năm để chi trả cho các chi phí để mở rộng quy mô và vận hành hoạt động thu gom, phân loại và tái chế và tiêu huỷ bao bì an toàn tại nơi quy trình tái chế chưa được thiết lập¹⁷ (xem Hộp thông tin 2). Để chi trả cho tất cả các loại bao bì (có nghĩa là bao gồm cả bao bì bằng giấy, thủy tinh, kim loại...), tổng chi phí có thể cao hơn rất nhiều.

Khi các giá trị kinh tế được cải thiện đáng kể thông qua việc thiết kế bao bì tốt hơn, các cải tiến về kỹ thuật/ công nghệ và kinh tế quy mô,^{18,19} những cơ chế tài chính để đảm bảo nguồn vốn đủ cho việc mở rộng quy mô và triển khai hệ thống thu gom, phân loại và tái chế tất cả các loại vật liệu bao bì sẽ luôn cần thiết trong thời gian tới. Nếu không có các cơ chế đó, việc tái chế các loại bao bì tới một mức quy mô đủ ở tất cả các khu vực địa lý rất khó khả thi, điều này cũng đồng nghĩa với việc 100 triệu tấn bao bì sẽ tiếp tục bị chôn, đốt hoặc xả ra môi trường hàng năm.

“ Chi phí cho quy trình thu gom, phân loại và tái chế thường lớn hơn rất nhiều so với lợi nhuận thu lại được từ việc bán nguyên liệu đã được tái chế. Điều đó thực tế luôn đúng với tất cả các loại bao bì, ở tất cả các khu vực địa lý khác nhau hiện nay.

Hộp thông tin 2: Chi phí ròng của việc thu gom, phân loại và xử lý bao bì

Trong tài liệu này, “chi phí ròng của hoạt động thu gom, phân loại và tái chế” để chỉ toàn bộ chi phí tiêu hao cho cả 3 hoạt động đó trừ đi lợi nhuận thu lại được từ việc bán các loại vật liệu sau tái chế (hoặc vật liệu ủ trong trường hợp tái chế hữu cơ). Chi phí này chỉ xem xét các chi phí cho bao bì đang hoặc sẽ được tái chế. Ngoài ra, “chi phí ròng để thu gom, phân loại và xử lý” bao gồm chi phí tiêu hủy, đốt các vật liệu không được tái chế.

Với chỉ một vài ngoại lệ, giá trị kinh tế của việc thu gom, phân loại và tái chế bao bì không thể gộp chung, có nghĩa là sẽ có chi phí ròng. Bao bì nhựa là một ví dụ rất rõ ràng khi các loại bao bì nhựa cứng được xem là có giá trị cao và dễ tái chế nhất – việc thu gom, phân loại loại bao bì này thường tốn kém hơn rất nhiều so với giá đơn vị tái chế có thể trả cho các bao bì đã được phân loại (trong khi họ vẫn được phép tái chế và bán các vật liệu này để thu lời) (xem biểu đồ 2).

Cho các loại bao bì nhựa có giá trị thấp hơn, như các loại nhựa đàn hồi hoặc nhựa trong, chi phí ròng để xử lý cho mỗi tấn nguyên liệu thậm chí còn cao hơn. Bên cạnh đó, cũng chỉ đối với một vài ngoại lệ ngoài vật liệu nhựa, còn lại chi phí thu gom, phân loại và tái chế các loại vật liệu khác cũng phát sinh chi phí ròng.²⁰

Trên toàn cầu, theo ước tính của nghiên cứu “Phá vỡ Làn Sóng Nhựa”, tổng chi phí ròng cho việc thu gom, phân loại và xử lý đối với riêng bao bì nhựa là khoảng 30 triệu đô la Mỹ mỗi năm*.

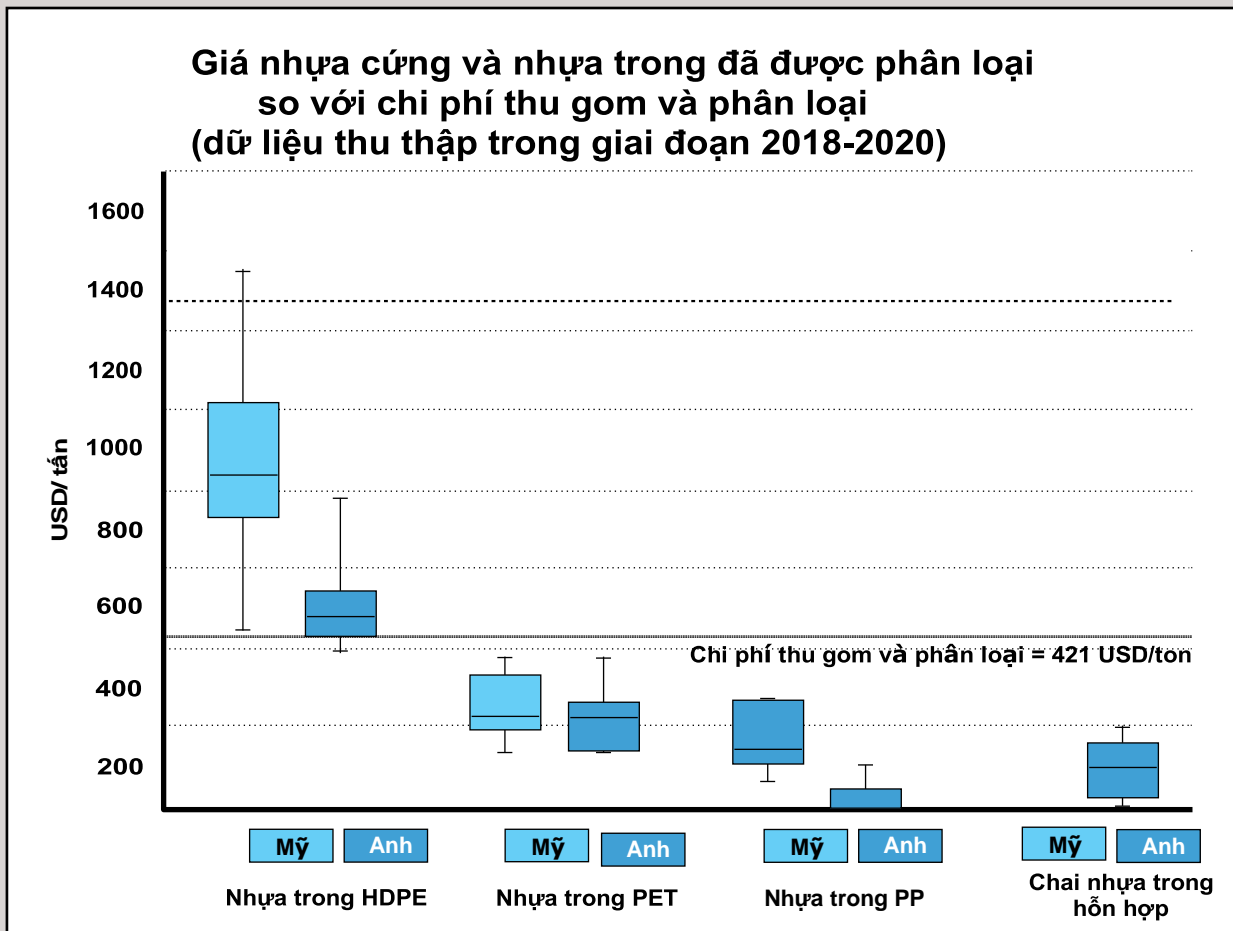
Các tính toán được đưa ra trong nghiên cứu là trong điều kiện các tình huống tốt nhất, hoặc “tình huống thay đổi hệ thống”, mà ở đó chúng ta không phải loại bỏ, tái sử dụng các mô hình đã được mở rộng quy mô, và các nỗ lực để thiết kế hoạt động tái chế được tối đa hoá. Nếu không có các hành động loại bỏ và tái thiết kế bao bì một cách rõ ràng, chi phí thậm chí còn cao hơn. Hơn thế nữa, kể cả khi tình huống tốt nhất này xảy ra và với điều kiện tốc độ phát triển hạ tầng lý tưởng, vẫn còn khoảng 20% rác thải nhựa tạo ra vào năm 2040, và do đó việc quản lý khối lượng rác thải này vẫn thiếu hụt.²²

Cuối cùng, con số này chỉ là ước tính cho phần chi phí khi mở rộng quy mô và vận hành các hệ thống thu gom, phân loại và xử lý đối với rác thải ở cấp độ hộ gia đình, không phải đối với toàn bộ các loại vật liệu bao bì khác. Nếu tính tất cả các loại bao bì thải khác, chi phí sẽ cao hơn rất nhiều.

*The Pew Charitable Trust and SYSTEMIQ, Breaking the Plastic Wave (2020): Plastic packaging represents >90% of the volume in the scope of this study. The remaining 10% is other plastic waste, such as diapers and non-packaging household waste.

Biểu đồ 2: Các mức giá thị trường cho các loại bao bì nhựa có giá trị cao đã được thu gom (loại bao bì hấp dẫn nhất về giá trị kinh tế) tại hai vùng địa lý khác nhau (Anh Quốc và Hoa Kỳ), so với chi phí thu gom và phân loại bình quân tại các nền kinh tế phát triển.

Source: Ellen MacArthur Foundation analysis based on data from resource-recycling.com, WRAP, letsrecycle.com, and Breaking the Plastic Wave²⁴



3 | Điều quan trọng là các chi phí ròng cần phải được chi trả bởi nguồn vốn riêng biệt, tiếp diễn và hiệu quả

Để ngăn chặn ô nhiễm bao bì và tạo ra nền kinh tế tuần hoàn cho bao bì, những hệ thống về thu gom, phân loại và tái chế cần phải được thiết lập và vận hành trên toàn thế giới. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng các quy trình này thường không mang lại lợi nhuận (có nghĩa là sẽ phát sinh chi phí ròng) – điều này là rào cản cơ bản trong việc huy động các đầu tư cần thiết.

Do đó điều quan trọng là cần đưa vào các cơ chế mà ở đó các nguồn kinh phí được huy động để trang trải các chi phí ròng và khiến các nền kinh tế được vận hành. Quan trọng hơn, các cơ chế đó cần phải được triển khai có tính cấu trúc và theo hướng bền vững để có thể thu hút và giảm bớt rủi ro cho các khoản đầu tư cho những tài sản tồn tại lâu dài như hệ thống hạ tầng cho phân loại và tiêu hủy.

Các nguồn vốn cần phải đáp ứng được đủ ba tiêu chí dưới đây để đảm bảo tính khả thi về kinh tế của hệ thống thu gom, phân loại và tái chế có cấu trúc, bền vững và có khả năng chống chịu. Đảm bảo được điều này sẽ tạo ra các cơ hội đầu tư khả thi và giảm thiểu rủi ro đáng kể, có thể tạo ra một bước thay đổi trong đầu tư vào cơ sở hạ tầng thu gom, phân loại và tái chế bao bì.

Nguồn vốn được cung cấp phải đáp ứng 3 tiêu chí chính dưới đây:



RIÊNG BIỆT

Nguồn vốn cần phải được tách riêng để đảm bảo rằng chúng được sử dụng chuyên biệt cho các khung hoạt động đã được xác định trước (trong đó mức tối thiểu cần đủ để chi trả cho các chi phí ròng của việc thu gom, phân loại và tái chế; và tiêu hủy an toàn tại những nơi không có hệ thống tái chế đối với tất cả các loại bao bì²³⁾, và để đạt được các mục tiêu đã được xác định trước (ví dụ tỷ lệ tái chế của các loại bao bì khác nhau, mức dịch vụ thu gom tối thiểu)



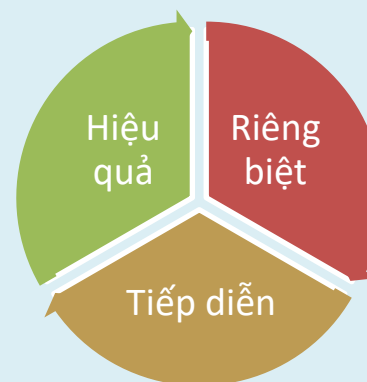
TIẾP DIỄN

Nguồn vốn cần được đảm bảo duy trì liên tục, không phải là một nguồn đầu tư một lần. Trong khi các nguồn đầu tư một lần có thể có ích, nhưng nguồn vốn được duy trì liên tục luôn là cần thiết, đặc biệt trong điều kiện phần lớn các chi phí ròng của việc luân chuyển vật liệu bao bì đều đến từ các chi phí vận hành tiếp diễn.



HIỆU QUẢ

Nguồn vốn nên được đảm bảo vận hành hiệu quả để triển khai các hoạt động đã được xác định và mang lại các kết quả mong muốn. Như vậy, nguồn vốn cần được phát triển phù hợp với chi phí ròng để thiết lập các hệ thống cần thiết để đảm bảo đạt mục tiêu, trái ngược với nguồn vốn dao động hàng năm phụ thuộc vào các yếu tố khác. Mức tài chính bắt buộc cần có có thể thay đổi phụ thuộc vào nhiều yếu tố ví dụ như thay đổi về tổng lượng bao bì đưa ra thị trường, cải tiến công nghệ, giá thành thị trường của các vật liệu đã tái chế hoặc thay đổi mục tiêu.



4 Trong khi, về lý thuyết có nhiều cách để gây quỹ, nhưng mô hình EPR là cơ chế duy nhất được chứng minh trong thực tế là đạt đủ các tiêu chí về tính “riêng biệt”, “tiếp diễn” và “hiệu quả”

Về lý thuyết, có rất nhiều cách để gây quỹ cho hoạt động thu gom, phân loại và tái chế bao bì. Tuy nhiên, hầu hết các cách đều không thoả mãn đủ các tiêu chí về tính “riêng biệt”, “tiếp diễn” và “hiệu quả; và do đó khả năng kinh tế có tính cấu trúc cần có để thu hút và giảm thiểu rủi ro đầu tư để mở rộng quy mô của các quy trình sẽ không đảm bảo.

Các mô hình/hoạt động EPR theo định nghĩa của “bảng thông tin 1”, là cơ chế đóng góp kinh phí duy nhất đã được chứng minh có thể đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đề ra và có thể mở rộng. Các phương án lựa chọn khác – như phụ thuộc vào các nguồn tài trợ công hoặc đóng góp tự nguyện – sẽ rơi vào tình huống thiếu ít nhất 1 trong số các điều kiện trên.

Nguồn tài trợ công là một phần ngân sách của nhà nước/ địa phương sẽ được điều chỉnh thường xuyên để cân bằng với các chính sách công ưu tiên khác nhau, ví dụ như nước sạch, các nhu cầu thiết yếu, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Như vậy nguồn vốn này sẽ không có khung cố định hoặc được tách riêng một cách liên tục. Thêm vào đó, kinh nghiệm trong quá khứ đã cho thấy đây cũng không phải là nguồn kinh phí hiệu quả, đặc biệt tại các nước có thu nhập thấp và trung bình - nơi khoảng cách về nguồn vốn lớn nhất.²⁴ Thêm vào đó, tại các nước có thu nhập cao, ngân sách của Chính phủ dành cho thu gom và quản lý bao bì sau sử dụng cũng cho thấy là không được vận hành hiệu quả. Trong một số trường hợp, nguồn này có thể đủ để khiến các quy trình này vận hành tốt cho một vài loại sản phẩm bao bì chọn lọc, có giá trị cao (như hộp thiếc hay các chai nhựa PET), nhưng không đạt được tỷ lệ tái chế cao cho tất cả các loại bao bì còn lại.

Điều này không có nghĩa là ngân sách chính phủ không có giá trị trong hệ thống quản lý bao bì sau sử dụng, nó chỉ cho thấy nếu chỉ có các nguồn vốn công thì sẽ không đủ để cung cấp nguồn kinh phí riêng biệt, tiếp diễn và hiệu quả cần có cho hoạt động này.

Bảng 1: Đánh giá các cơ chế gây quỹ theo ba tiêu chí “Riêng biệt”, “Tiếp diễn” và “Hiệu quả”

	Riêng biệt	Tiếp diễn	Hiệu quả
Nguồn tài trợ công trích từ ngân sách của nhà nước hoặc của các địa phương cho hoạt động thu gom, phân loại và tái chế hoặc tiêu huỷ bao bì	Không	Một phần	Không
Đóng góp tự nguyện bởi các doanh nghiệp, các đơn vị từ thiện hoặc các nguồn khác hướng tới quy chế đóng góp tự nguyện, hoặc bất cứ sáng kiến nào khác để cải thiện hoạt động thu gom, phân loại và tái chế bao bì.	Có	Không	Không
Cơ chế đóng góp kinh phí bắt buộc theo mô hình EPR được nêu tại Chương 1, Bảng thông tin 1.	Có	Có	Có

“Chính sách EPR không chỉ là các cơ chế về kinh phí mà còn hơn thế nữa. Chúng mang tới các lợi ích kinh tế khác như tăng cường tính hiệu quả và tính minh bạch của hệ thống và khuyến khích các giải pháp từ đầu nguồn.”

T.12

Đóng góp tự nguyện có thể hữu ích trong trung/ngắn hạn. Tại một số quốc gia, cơ chế đóng góp EPR tự nguyện có thể là một cách để đẩy nhanh tốc độ chương trình, hướng tới mô hình EPR theo cơ chế đóng góp bắt buộc được thiết kế bài bản, ví dụ thông qua cơ chế tự nguyện, có thể bắt đầu xây dựng các hệ thống và quy trình được yêu cầu, tạo thị trường và đúc rút kinh nghiệm, học hỏi thông qua quá trình vận hành. Tuy nhiên, bản thân hoạt động đóng góp tự nguyện không đại diện cho một giải pháp góp vốn bền vững và dài hạn. Trong khi, nguồn vốn này sẽ thường được dành riêng cho những mục tiêu cụ thể, bản chất của hoạt động đóng góp tự nguyện sẽ không duy trì được tính tiếp diễn và rất có thể không hiệu quả như mong muốn. Ví dụ, vào năm 2020, tại Hoa Kỳ, trong tổng số vốn quỹ 12 triệu đô la Mỹ (không bao gồm các chi phí vận hành tiếp diễn) cần thiết cho để mở rộng thu gom và tái chế các loại bao bì trên lề đường, số tiền kêu gọi được từ các nguồn đóng góp tự nguyện chỉ chiếm 7%.²⁵ Hơn nữa, không chắc chắn rằng toàn bộ hay thậm chí là đa số sẽ đóng góp, và đơn vị thực hiện sẽ có thể chịu được toàn bộ chi phí trên cơ sở liên tục.

Cơ chế đóng góp bắt buộc EPR là mô hình duy nhất được chứng minh là hiệu quả, đảm bảo đạt đủ 3 tiêu chí trên. Nếu được thiết kế tốt, nguồn tài trợ sẽ được đảm bảo chỉ dành riêng cho các hoạt động và mục tiêu cụ thể (mức tối thiểu phải đủ để chi trả chi phí ròng của việc thu gom, phân loại và tái chế; và nếu không thể tái chế thì thải bỏ/xử lý an toàn bao bì). Do tính chất bắt buộc, (tức là những đối tượng đóng góp có thể lựa chọn không tham gia chương trình), các cơ chế này có thể đảm bảo dòng tiền liên tục. Cuối cùng, các khoản phí luôn được gắn kết và tiến triển cùng với chi phí ròng thực tế để đạt được các kết quả được đề ra trong mô hình EPR (tức là chúng dựa trên kết quả hoạt động), đảm bảo rằng nguồn tài trợ là đủ. Điều quan trọng cần lưu ý là các chính sách EPR không chỉ là cơ chế tài trợ.

Các cơ chế này mang tới rất nhiều lợi ích, ví dụ như nâng cao hiệu quả và tính minh bạch của hệ thống, và khuyến khích các giải pháp từ đầu nguồn ví dụ như giảm bớt bao bì đóng gói, tái sử dụng hoặc tái thiết kế (xem Chương 5).

Để đảm bảo có thể đủ chi phí ròng để xử lý bao bì sau sử dụng, các cơ chế EPR có thể được hỗ trợ bởi các nguồn đóng góp khác, ví dụ như đóng góp dựa trên nhu cầu xử lý bao bì mỗi lần hoặc nguồn kinh phí công. Tuy nhiên, tổng nguồn vốn kết hợp nên đảm bảo tính riêng biệt, tiếp diễn và hiệu quả để đủ trang trải các chi phí ròng của cả hệ thống. Với các lý do trên, EPR là một cấu phần cần thiết trong việc gây quỹ và quỹ từ cơ chế này phải đảm bảo đủ để chi trả chi phí ròng.

Cuối cùng, điều quan trọng khác là không nên chỉ tính tới mỗi bao bì. Có rất nhiều các sản phẩm và vật liệu khác cũng đòi hỏi cần có quy trình thu gom và xử lý sau sử dụng và cũng cần chi phí (ví dụ rác thải thực phẩm, may mặc, các sản phẩm gia dụng khác nhau và nhiều hơn nữa). Một vài trong số các sản phẩm đó có thể chia sẻ dịch vụ và cơ sở hạ tầng giống với xử lý bao bì sau sử dụng, ví dụ hệ thống thu gom. Chính phủ cần đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hệ thống quản lý toàn vật liệu và nguồn vốn có liên quan được điều phối một cách tổng thể, và được thiết kế để đóng góp vào định hướng mở rộng một nền kinh tế tuần hoàn.

5 | EPR là một công cụ chính sách phổ biến, đã được chứng minh và đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới

EPR là một công cụ chính sách phổ biến

Chính sách thực hiện ERP ngày càng được ứng dụng rộng rãi ở các quy mô và bối cảnh khác nhau với gần 400 chính sách về ERP trên toàn cầu được thông qua. Các chính sách này áp dụng đối với các sản phẩm khác nhau từ bao bì, lốp xe đã qua sử dụng, xe cộ và thiết bị điện tử.²⁶ Đối với loại bao bì cụ thể, có khoảng 65 chính sách nhằm mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất. Những chính sách này bao gồm các loại chương trình EPR khác nhau, trong đó có khoảng 45 chương trình có thể được coi là bắt buộc, có tính phí (được định nghĩa trong Bảng 1, Chương 1).

Cơ chế ERP đã xuất hiện từ khoảng 20-30 năm trước (như ở Nhật Bản, Hàn Quốc, và hầu hết các quốc gia thành viên liên minh Châu Âu) và tiếp tục được mở rộng trong những năm gần đây. Như đã thấy trong hình 3, những chương trình EPR bắt buộc được phổ biến rộng rãi ở Châu Âu nhưng cũng đang tạo được sức hút trên toàn cầu, bao gồm các chương trình giới hạn về phạm vi, địa lý hay áp dụng cho các loại sản phẩm bao bì – sau đây được gọi là ‘EPR giới hạn’. Trong khi đó, các quốc gia trên khắp thế giới đang tiếp tục thảo luận xung quanh các chủ đề liên quan tới việc thực hiện các cơ chế ERP mới được phát triển.

Nếu được thiết kế tốt, EPR là cơ chế hiệu quả trong việc cung cấp kinh phí cần thiết và giúp tăng tỷ lệ thu gom, phân loại và tái chế

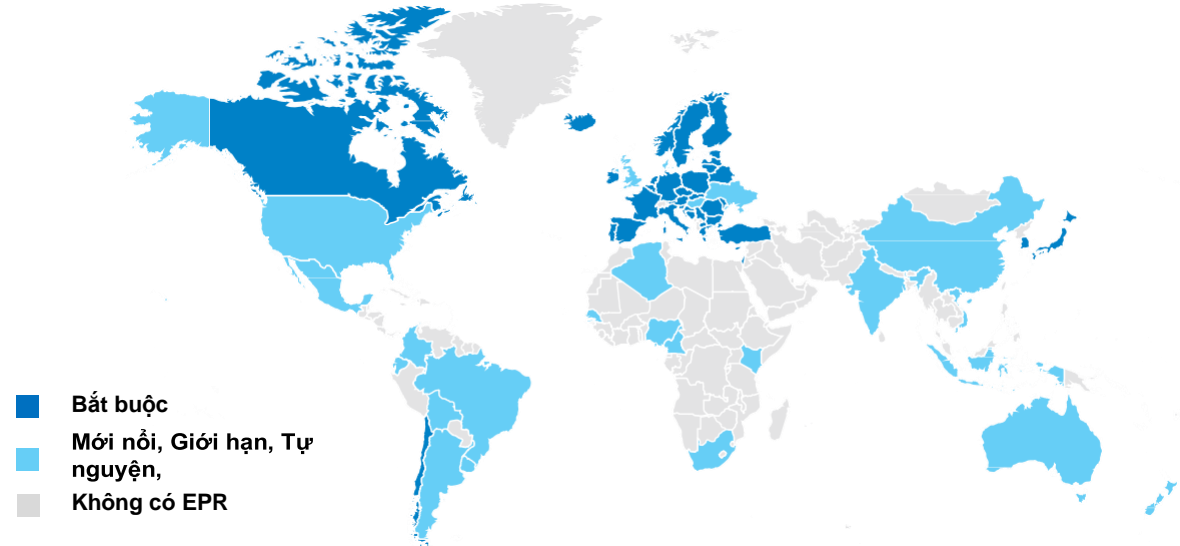
EPR được coi là một công cụ hữu hiệu để đảm bảo tài chính cho việc quản lý bao bì sau sử dụng và tăng tỷ lệ thu gom, phân loại và tái chế.²⁷ Ví dụ, nhìn vào bao bì nhựa, sẽ thấy một sự khác biệt rõ ràng trong tỷ lệ thu gom-đề-tái chế ở các quốc gia áp dụng và không chính

sách EPR bắt buộc (hình 4). Mặc dù có nhiều yếu tố ảnh hưởng tỷ lệ thu gom-đề-tái chế của một quốc gia, hình 4 chỉ ra rằng trung bình các nước áp dụng chương trình EPR ‘bắt buộc’ có xu hướng đạt được tỷ lệ thu gom-đề-tái chế (~40%) cao hơn các nước ‘Không EPR’ (~10%) hoặc chỉ áp dụng ‘EPR Giới hạn hoặc Tự nguyện’ tại chỗ (~15%).

Theo nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), cho thấy mức độ xử lý chất thải đã giảm và tỷ lệ tái chế tăng khi các chương trình EPR được áp dụng.²⁸ Có thể quan sát thấy xu hướng tích

cực trong tỷ lệ thu gom và tái chế ở các nước Châu Âu kể từ khi các chương trình EPR được đưa ra.²⁹ Tỷ lệ tái chế bao bì gia tăng sau khi đưa ra các chương trình EPR cũng đã được quan sát ở nhiều vùng địa lý khác, như Hàn Quốc và Nhật Bản.^{30,31} Theo Ủy Ban Tái Chế Đông Bắc (NERC) và Hiệp Hội Các nhà Quản lý Rác thải Đông Bắc (NWMOA), các tỉnh của Canada áp dụng chương trình EPR đối với các sản phẩm bao bì và giấy đã tăng tỉ lệ tái chế, nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại sản phẩm tái chế, giảm ô nhiễm, khuyến khích phát triển cơ sở hạ tầng thu gom, tái chế, và phát triển nhanh thị trường vật liệu tái chế.³²

Hình 3: Tổng quan việc thực hiện các chương trình EPR bao bì trên toàn cầu vào năm 2020. ‘EPR bắt buộc’ đại diện cho các quốc gia có hệ thống pháp luật cụ thể với các chương trình EPR bắt buộc về bao bì. ‘Mới nổi, Giới hạn, hay Tự nguyện’ bao gồm các quốc gia nơi tồn tại định luật chung về chất thải kêu gọi sự phát triển của EPR về bao bì hoặc trong đang quá trình thảo luận để phát triển (Mới nổi), hoặc các quốc gia nơi đã có các chương trình EPR nhưng chỉ giới hạn về phạm vi, địa lý, hay loại bao bì (Giới hạn), hoặc các quốc gia nơi EPR không bị bắt buộc bởi hiến pháp và chỉ một nhóm nhỏ các doanh nghiệp tham gia vào chương trình (Tự nguyện). Bản đồ này được tạo dựa trên dữ liệu năm 2020 do Lorax-EPI cung cấp. Lưu ý rằng với động lực phát triển chương trình EPR về bao bì ngày càng rộng rãi, tình trạng này ở một số quốc gia có thể thay đổi nhanh chóng.



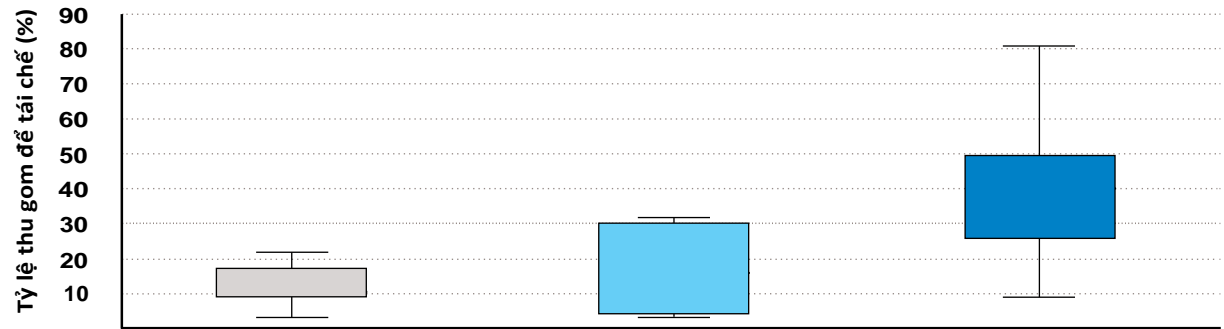
Mặc dù khó có thể tách biệt tác động của chính sách EPR với các tác động tiềm năng của các chính sách bổ sung khác, dữ liệu này cho thấy chương trình EPR có tác động tích cực đến tỷ lệ thu gom, phân loại, và tái chế của bao bì.

EPR không chỉ là một cơ chế gây quỹ mà còn mang lại lợi ích như tăng tính minh bạch, hiệu quả và khuyến khích các giải pháp từ đầu nguồn

Mặc dù tài liệu này thảo luận về EPR trong bối cảnh giải quyết thách thức về nguồn vốn sử dụng cho việc mở rộng quy mô và vận hành các hệ thống thu gom, phân loại và tái chế, EPR không chỉ là giúp tăng cường dòng tài chính mà còn mang nhiều lợi ích khác nhau. Bằng cách xác định rõ ràng và cần trọng các mục tiêu, vai trò, và trách nhiệm (tài chính và vận hành) của các bên liên quan, các mô hình này có thể tạo thêm các lợi ích khác, tạo nền tảng quan trọng cho nền kinh tế tuần hoàn đặc biệt là chuỗi giá trị bao bì

- Khuyến khích các giải pháp bao bì/đóng gói:** Bằng cách đưa trách nhiệm tài chính cho các bên sản xuất chịu trách nhiệm về việc thiết kế bao bì và đưa sản phẩm ra thị trường, ERP khuyến khích các nhà sản xuất tạo ra các giải pháp sáng tạo như giảm việc sử dụng bao bì sử dụng một lần sang các vật liệu tái chế. Theo OECD, đến nay đã có sự đồng thuận về các chương trình EPR góp phần cải thiện thiết kế bao bì, mặc dù không đạt như kì vọng ban đầu.³³ Gần đây, một số quốc gia đã đưa ra hoặc bắt đầu tìm cách đưa ra các thay đổi trong chương trình EPR để tăng cường giải pháp cho các khâu đầu vào, bao gồm đánh thuế/phí đối với những sản phẩm không thân thiện với môi trường/ít có khả năng tái chế và các mục tiêu tái chế bao bì.³⁴
- Tối ưu hiệu quả hệ thống:** Bằng cách đặt trách nhiệm tài chính (và vận hành) lên các doanh nghiệp và do Tổ chức Trách nhiệm của Nhà sản xuất/Hiệp hội bao bì (PRO) điều phối chung, chương trình ERP có thể tạo ra các sáng kiến, cải cách hoặc tiếp tục các nghiên cứu nhằm tối ưu hiệu quả của hệ thống.
- Tăng tính minh bạch tài chính và chuỗi giá trị:** Các chương trình EPR có khả năng điều phối các nguồn tài chính cần thiết, cũng như chuỗi giá trị, và các thông tin liên quan trong hệ thống.³⁵ Điều này tạo ra tính minh bạch và cho phép quy trình đưa ra quyết định dựa trên các dữ liệu tin cậy hơn.
- Nâng cao nhận thức:** Trong các chương trình EPR khác nhau, các chuyên gia (PRO) thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức và hoạt động giáo dục cho chính quyền địa phương, doanh nghiệp, và người dân nhằm nâng cao hiểu biết về thiết kế bao bì, hệ thống thu gom, nhu cầu phát triển công nghệ, v.v. – nâng cao hiệu quả tổng thể của hệ thống.

Hình 4: Tỷ lệ thu gom-đề-tái chế bao bì nhựa trên toàn quốc. ‘Không EPR’ bao gồm các quốc gia không có khuôn khổ quy định về EPR, hoặc các quốc gia có các quy định nhưng được thông qua trong vòng ba năm trở lại đây. ‘Giới hạn hoặc Tự Nguyện’ bao gồm các quốc gia có các chương trình bị giới hạn về phạm vi, địa lý hoặc loại bao bì nhất định và/ hoặc nơi các chương trình được thực hiện một cách tự nguyện bởi số lượng hạn chế doanh nghiệp tham gia. ‘Bắt buộc’ bao gồm các quốc gia đã áp dụng luật EPR nhiều hơn ba năm. Dữ liệu được dựa trên các nguồn chính thức và tham khảo ý kiến của các chuyên gia đồng thời có thể truy xuất.



Lợi ích bổ sung của các chương trình EPR:

- Khuyến khích các giải pháp bao bì từ đầu nguồn
- Hiệu quả hệ thống cao hơn
- Tăng tính minh bạch đối với các dòng tài chính và vật liệu
- Nhận thức cộng đồng tăng

EPR được hỗ trợ rộng rãi và ngày càng nhiều từ các bên liên quan và các khu vực địa lý

EPR đối với bao bì là một công cụ chính sách đã liên tục tiến triển khắp toàn cầu. Trong ba năm gần đây, một số quốc gia đã đưa ra, hoặc bắt đầu quá trình xây dựng khung pháp lý cho một cơ chế EPR bắt buộc. Ở các quốc gia như Nam Phi, Chile, Colombia, và Kenya, quy định về EPR đã được áp dụng cho tất cả các loại bao bì. Việt Nam đã áp dụng khuôn khổ pháp lý đầu tiên cho EPR³⁶ và Ấn Độ đã ban hành luật EPR quốc gia cho bao bì nhựa. Các quốc gia khác, bao gồm New Zealand và Ecuador, đang trong quá trình giới thiệu và xây dựng chính sách EPR. Tại EU, nơi hầu hết các Quốc gia Thành viên đã áp dụng EPR tính phí (khoảng hơn 20 năm trước), tất cả 27 quốc gia thành viên hiện được yêu cầu thiết lập hệ thống EPR đến hết năm 2024 bao gồm tất cả các loại bao bì và tuân thủ các yêu cầu tối thiểu như được nêu trong Chỉ thị khung về chất thải của Châu Âu số 2018/851. Các quốc gia như nước Anh³⁷ và Đan Mạch trước đây đã chọn các chương trình thay thế, đã hoặc đang sửa đổi luật của họ để áp dụng chương trình EPR cho bao bì. Vào tháng 1 năm 2021, 9 tiểu bang của Hoa Kỳ có luật EPR mới nổi đã công bố nỗ lực phối hợp thông qua 'EPR cho mạng lưới bao bì'.³⁸

Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và tư vấn môi trường từ lâu cũng đã khuyến nghị hoặc ủng hộ EPR nhằm chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, bao gồm tổ chức OECD,³⁹ Eunomia,⁴⁰ As You Sow,⁴¹ Ocean Conservancy,⁴² and WWF.⁴³

"WWF tin rằng các chương trình Trách nhiệm của Nhà sản xuất Mở rộng (EPR) có vai trò quan trọng trong việc cung cấp tài chính cho nền kinh tế nhựa tuần hoàn bằng cách để các nhà sản xuất chịu trách nhiệm về tài chính cho việc quản lý các sản phẩm nhựa của họ và các tác động trong vòng đời của bao bì, cũng như khuyến khích thiết kế sinh thái toàn diện trong lĩnh vực kinh doanh."⁴⁴
– WWF

"Tập trung vào các biện pháp trong đó thu thập tài chính có tiềm năng lớn nhất để giảm sự chênh lệch về tài chính. EPR, được thực hiện thông qua Packaging Material Fees (Phí vật liệu đóng gói), có thể có tiềm năng cao nhất trong việc giảm khoảng cách này."⁴⁵ – Ocean Conservancy

Và trong 12-18 tháng qua, lợi ích và tầm quan trọng của EPR đã và đang được công nhận rộng rãi trong toàn ngành. Các công ty lớn, như Nestlé và Unilever, đã công khai bày tỏ sự ủng hộ đối với các chương trình EPR bắt buộc:

"Chúng tôi cũng đang nỗ lực để giảm thiểu ô nhiễm do chất liệu nhựa bằng cách giúp thu gom và xử lý bao bì nhựa. [...] Điều này bao gồm các khoản đầu tư trực tiếp và mối quan hệ đối tác trong việc thu gom và xử lý chất

thải xây dựng nguồn lực bằng cách mua nhựa tái chế, và hỗ trợ chương trình trách nhiệm của nhà sản xuất mở rộng bằng cách thanh toán trực tiếp cho việc thu gom bao bì của chúng tôi."⁴⁶ – Unilever

"Nestlé ủng hộ các sáng kiến thiết kế và triển khai các chương trình Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất hiệu quả và có ngân sách phù hợp."⁴⁷ – Nestlé

Vào tháng 7 năm 2020, một nhóm lớn hơn gồm các thương hiệu và nhà bán lẻ toàn cầu, là một phần của Liên minh Hành động về Chất thải Nhựa của Diễn đàn Hàng tiêu dùng, đã xuất bản một báo cáo quan điểm có tiêu đề "Xây dựng nền kinh tế tuần hoàn trong ngành bao bì: một quan điểm từ ngành hàng tiêu dùng về tối ưu trách nhiệm của nhà sản xuất mở rộng"



Tập trung vào các giải pháp có thể tổng hợp nguồn tài chính có khả năng duy nhất để giảm khoảng cách tài chính. Cơ chế EPR thực hiện thông qua việc đóng góp tài chính dựa trên tổng lượng bao bì chính là biện pháp hữu hiệu để giảm chênh lệch tài chính".

Ocean Conservancy

Báo cáo này đã được thực hiện bởi 28 công ty lớn trong ngành, bao gồm Amcor, The Coca Cola Company, Danone, Mars, Mondelez, Nestlé, PepsiCo, SC Johnson, Unilever, và Walmart. Bài viết nhấn mạnh:

“Với tư cách là các nhà sản xuất và nhà bán lẻ hàng đầu của hàng đóng gói tiêu dùng, chúng tôi tin rằng các chương trình Trách nhiệm của Nhà sản xuất Mở rộng (EPR) cho bao bì có thể đẩy nhanh tiến độ [hướng tới nền kinh tế tuần hoàn] và cung cấp hỗ trợ quan trọng, hiệu quả cho việc tái chế, đặc biệt khi các điều kiện thích hợp được áp dụng cho một thị trường nhất định.”⁴⁸

Cùng năm đó, Plastics Europe, Hiệp hội các Nhà sản xuất nhựa Châu Âu, đã tuyên bố rằng chương trình EPR đóng vai trò then chốt để cung cấp tài chính và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn cho các bao bì nhựa.⁴⁹

Ngoài ra, tại Hoa Kỳ trong 12 tháng qua, nhiều doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, sự hợp tác giữa các công ty trong ngành, và các tổ chức khác của Hoa Kỳ đã bắt đầu bày tỏ sự ủng hộ và thể hiện sự cởi mở đối với việc áp dụng EPR cho bao bì trong nước.

- Tổ chức Quốc tế Mondelez bày tỏ “hỗ trợ cho một chương trình EPR hợp lý, ở cấp liên bang tại Hoa Kỳ để phục vụ cho phim nhựa dẻo, cũng như các loại nhựa khác”;⁵⁰

- Ủy ban Tái chế vùng Đông Bắc (NERC) và Hiệp hội quản lý chất thải vùng Đông Bắc (NWMOA) đã thiết lập một nền tảng dữ liệu chia sẻ các kiến thức để hỗ trợ thực hiện EPR cho các sản phẩm bao bì và giấy;⁵¹
- Hiệp hội Bao bì Flexible (FPA), cùng với tổ chức Product Stewardship (PSI), đã xuất bản một bài báo với các nguyên tắc thực hiện EPR thành công;⁵²
- Vào tháng 1 năm 2021, Ameripen, một tập đoàn công nghiệp bao bì có truyền thống phản đối EPR, đã thay đổi quan điểm và nói rằng họ sẽ hỗ trợ các đề xuất EPR nếu chúng đáp ứng các tiêu chí nhất định.⁵³

“ Với tư cách là các nhà sản xuất và nhà bán lẻ hàng đầu của hàng đóng gói tiêu dùng, chúng tôi tin rằng các chương trình Trách nhiệm của Nhà sản xuất Mở rộng (EPR) cho bao bì có thể đẩy nhanh tiến độ [hướng tới nền kinh tế tuần hoàn] và cung cấp hỗ trợ quan trọng và hiệu quả cho việc tái chế, đặc biệt khi các điều kiện thích hợp được áp dụng cho một thị trường nhất định.

**Diễn đàn Hàng tiêu dùng,
Xây dựng một nền kinh tế tuần hoàn trong ngành
bao bì**

6 | Thiết kế chương trình EPR là chìa khóa quan trọng để đạt hiệu quả

Thiết kế chương trình EPR cùng cách thức triển khai sẽ quyết định tính hiệu quả của mỗi chương trình. Những rủi ro tiềm ẩn của một chương trình EPR được thiết kế hay thực hiện không tốt bao gồm: thiếu tính thực thi và trách nhiệm (ví dụ những thành viên tham gia nhưng không đóng phí – free riders); thiếu tính minh bạch và sự giám sát; không mang lại hoặc thậm chí không thúc đẩy kết quả tuần hoàn. Do đó, các chương trình EPR mới nên được thiết kế cẩn trọng và liên tục được giám sát & hoàn thiện.

Nhiều ấn phẩm và báo cáo với các khuyến nghị về cách thiết kế và thực hiện tốt nhất đã được trình bày ở nhiều ấn phẩm khác nhau. (OECD,⁵⁴ Eunomia,⁵⁵ Liên minh Rác Thải PREVENT (Prevent Waste Alliance),⁵⁶ Liên minh Châu Âu EU,⁵⁷ Viện Quản lý Sản phẩm (Product Stewardship Institute),⁵⁸ Viện Chính Sách Môi trường Châu Âu (Institute for European Environmental Policy),⁵⁹ WWF,⁶⁰ Ocean Conservancy,⁶¹ Diễn đàn Hàng Tiêu Dùng (Consumer Goods Forum),⁶² EXPR,⁶³ là một số ấn phẩm nổi bật).

Trọng tâm chính của tài liệu này là giải thích lý do EPR là một phần cần thiết của giải pháp. Tuy nhiên, phần này đề cập ngắn gọn đến một số yếu tố chính hoặc những lưu ý khi triển khai chương trình EPR – nhưng không đưa ra khuyến nghị chi tiết về cách thiết kế và thực hiện các yếu tố này. Danh sách dưới đây dựa trên sự chất lọc những yếu tố được lặp lại nhiều nhất trong các ấn phẩm khác và chưa hoàn toàn đầy đủ.

Những yếu tố cần cân nhắc khi thiết kế chương trình EPR

1 Phạm vi vật liệu bao phủ

Điều quan trọng là phải xác định rõ ràng những gì được coi là ‘bao bì’. Hơn nữa, phải bảo đảm được phạm vi bao bì là toàn diện, cả về loại bao bì (như chai, lon, đồ dẻo, v.v.), và vật liệu (như giấy, thủy tinh, nhôm, nhựa thông thường và nhựa có thể phân hủy, v.v.). Điều này quan trọng bởi: thứ nhất, cần thiết lập hệ thống cho tất cả các loại bao bì và vật liệu, để được thu thập và được tái chế hay phân hủy (theo thời gian); thứ hai, để tránh những hậu quả không mong muốn, như chuyển sang các loại hoặc vật liệu bao bì, chỉ đơn thuần là để tránh EPR.

2 Đối tượng, phạm vi hoạt động và các mục tiêu cụ thể, kỳ vọng và có thời hạn:

Điều quan trọng là phải xác định rõ đối tượng và phạm vi trách nhiệm/ hoạt động của chương trình EPR, cũng như các kết quả mục tiêu cần đạt được theo thời gian. Điều này nhằm đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan đều hiểu rõ việc tài trợ cho các hoạt động được nêu ra và sử dụng với mục đích gì cũng như kết quả cần đạt được. Ví dụ: cần cung cấp mức dịch vụ thu thập tối thiểu; những mục tiêu tái chế có thời hạn bởi loại bao bì cần được đáp ứng và đo lường chính xác; việc loại bỏ (một phần) chất thải có được bao gồm hay loại trừ trong trách nhiệm mở rộng hay không, v.v.

3 Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan

Điều quan trọng là phải xác định rõ ai chịu phần nào trách nhiệm vận hành và tài chính để hoàn thành các mục tiêu. Ví dụ: ai là ‘nhà sản xuất’ (tức là ‘nhà sản xuất’ được định nghĩa như thế nào) và trách nhiệm của họ là gì; và trách nhiệm của các chính quyền đô thị và các bên liên quan khác; vai trò của các chuyên gia là gì; ai sở hữu chất liệu ở các bước khác nhau của quy trình, v.v.

4 Các cơ chế đảm bảo báo cáo có tính thiết thực và minh bạch, được giám sát và thực thi:

Việc không bảo đảm thực hiện nhất quán sẽ làm giảm hiệu suất của chương trình EPR và tạo kẽ hở cho những tổ chức/ đơn vị không hoàn thành nghĩa vụ của họ (free-riders). Do đó, cần thu thập dữ liệu và liên tục theo dõi hiệu suất của chương trình EPR để có thể đánh giá kết quả của các quyết định và cho phép thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào cần thiết để đạt được các mục tiêu.

Khi thiết kế nhiều yếu tố của một chương trình EPR, điều quan trọng là phải luôn đảm bảo kết quả của chương trình mang lại nguồn vốn đáp ứng ba tiêu chí chính là tận tâm, liên tục, và đầy đủ.

Hơn nữa, điều quan trọng là các chương trình EPR phải được gắn với bối cảnh địa phương, cân bằng hài hòa với sự thích ứng của địa phương. Khi hài hòa ở phạm vi quốc gia, khu vực, và quốc tế (ví dụ: đối với định nghĩa hoặc các nguyên tắc thiết kế cốt lõi) có thể nâng cao hiệu quả tổng thể và hiệu quả của chương trình, người ta cũng cần đảm bảo chương trình EPR phù hợp với bối cảnh địa phương và được đưa vào khuôn khổ chính sách kinh tế tuần hoàn địa phương rộng lớn hơn (xem Chương 7).

Đặc biệt, ở các quốc gia không có hệ thống thu gom chính thức tại chỗ, có những câu hỏi cần được giải quyết về cách thiết kế và thực hiện các chương trình EPR tốt nhất, phù hợp với bối cảnh địa phương, bao gồm: làm thế nào để đảm bảo một sự chuyển đổi chính đáng được đưa vào lĩnh vực chưa chính thức, nâng cao kế sinh nhai và phúc lợi của tất cả những người liên quan; và cách chương trình EPR có thể giúp hoặc đẩy nhanh việc xây dựng các hệ thống thu gom, phân loại, và tái chế mà các hệ thống này chưa tồn tại.

Tham vấn rộng rãi các bên liên quan, với ý kiến đóng góp từ các chuyên gia, doanh nghiệp, và các tổ chức từ khắp các chuỗi giá trị, các thành phố, và khu vực phi chính thức, có thể giúp nâng cao khả năng chấp nhận, tính minh bạch và hiệu quả của chương trình EPR.

Tóm lại, cách thức thiết kế và thực hiện chương trình EPR đóng vai trò quan trọng trong việc thành công của chương trình. Không có chương trình EPR hiện hữu nào là hiệu quả tuyệt đối và cần cân nhắc rất nhiều yếu tố. Tuy nhiên, hiểu được rằng đây là một trong những phần quan trọng của các giải pháp quản lý chất thải và chất gây ô nhiễm, EPR cần sự hợp tác của các bên liên quan cùng thúc đẩy xây dựng và liên tục hoàn thiện chương trình EPR đối với bao bì.



Cách mà các chương trình EPR được thiết kế và thực hiện là rất quan trọng cho tính hiệu quả của chúng. Không có chương trình EPR hiện hữu nào là hoàn hảo và cần phải tính đến nhiều yếu tố. Tuy nhiên, hiểu được rằng đây là một trong những phần quan trọng của các giải pháp quản lý chất thải và chất gây ô nhiễm, EPR cần sự hợp tác của các bên liên quan cùng thúc đẩy xây dựng và liên tục hoàn thiện chương trình EPR đối với bao bì..

T.18

7 | Các chương trình EPR là cần thiết, nhưng EPR chưa đủ để giải quyết vấn đề ô nhiễm và chất thải bao bì

Các chương trình EPR bắt buộc, có tính phí là cách duy nhất đã được chứng minh để đảm bảo nguồn vốn chuyên dụng, liên tục và đầy đủ nhằm hỗ trợ chi phí thu gom, phân loại và tái chế bao bì. Đây là một phần cần thiết cho giải pháp cho vấn đề ô nhiễm và rác thải bao bì.

Tuy nhiên, bản thân các chương trình EPR không đủ để tạo ra một nền kinh tế tuần hoàn khi bao bì không được tái tạo theo một vòng khép kín. EPR cần phải là một phần của các chính sách vĩ mô hơn để phát triển nền kinh tế tuần hoàn và kêu gọi hành động tự nguyện của các ngành công nghiệp.

EPR cần phải là một phần của các chính sách vĩ mô hơn để phát triển nền kinh tế tuần hoàn

Để loại bỏ chất thải bao bì và ô nhiễm, cần có một cách tiếp cận chính sách kinh tế tuần hoàn toàn diện, ngoài EPR, bao gồm các chính sách bổ sung khác nhau. [Universal Circular Economy Policy Goals](#) (Năm Mục tiêu Chính sách Kinh tế Tuần hoàn Toàn cầu) có thể được sử dụng để thiết lập như một cách tiếp cận chính sách. Các mục tiêu này chỉ ra các chính sách liên quan được kết nối với nhau – điều này sẽ tránh tạo ra các giải pháp rời rạc.

Tại đây, năm Mục tiêu Chính sách Kinh tế Tuần hoàn Toàn cầu được đưa ra. Họ liệt kê một vài ví dụ về các chính sách liên quan tới bao bì đối với từng loại mục tiêu, để minh họa các loại chính sách có thể được xem xét trong quá trình phát triển cách tiếp cận chính sách tổng hợp và toàn diện nhằm tạo ra một nền kinh tế tuần hoàn cho bao bì. Các ví dụ chính sách cụ thể được liệt kê ở đây không phải là khuyến nghị chung mà là các ví dụ minh họa có thể được xem xét trong bối cảnh địa lý nhất định và trong từng trường hợp cụ thể.



MỤC TIÊU 1:

THIẾT KẾ PHÙ HỢP CHO NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN

Điều này có thể bao gồm việc tạo ra các tiêu chuẩn để hài hòa bao bì hay thiết kế, sản phẩm và hệ thống (ví dụ: thu gom, tái sử dụng, và tái chế) trên các khu vực địa lý, cấm một số hầu hết các mặt hàng đóng gói có vấn đề hoặc đặt mục tiêu hàm lượng tái chế tối thiểu bắt buộc cho các loại bao bì cụ thể.



MỤC TIÊU 2:

QUẢN TRỊ NGUỒN LỰC ĐỂ BẢO TOÀN GIÁ TRỊ

Điều này có thể bao gồm các chính sách thúc đẩy hơn nữa tỷ lệ thu gom, chẳng hạn như: thu gom bắt buộc để tái chế cho tất cả các loại bao bì (đối với các khu dân cư, khu công nghiệp và thương mại, không gian công cộng); Chương trình Hoàn trả Tiền ký quỹ (DRS) có thể được bao gồm như một phần của chương trình EPR và là một cơ chế đã được chứng minh để tăng tỷ lệ tái sử dụng và tái chế;⁶⁴ việc thu gom bắt buộc chất thải hữu cơ để làm phân trộn hoặc phân hủy, và các hạn chế quốc gia đối với việc nhập khẩu/ xuất khẩu chất thải bao bì.



MỤC TIÊU 3:

THỨC ĐẨY NỀN KINH TẾ VẬN ĐỘNG

Điều này có thể bao gồm khuyến khích tuần hoàn và các kết quả môi trường khác, ví dụ thông qua các hoạt động khuyến khích tài chính và mua sắm đối với các nội dung tái chế hoặc các giải pháp tái sử dụng, giảm thuế hoặc giảm giá các hoạt động hay máy móc tái chế và tái sử dụng. Hoặc có thể không khuyến khích các hoạt động không tuần hoàn, ví dụ thông qua lệnh cấm hoặc thuế rác thải, phí vào cổng để thiêu đốt phế thải, đánh thuế hoặc giảm trợ cấp khai thác hoặc sử dụng tài nguyên nguyên chất, hoặc cơ chế định giá chất thải khí nhà kính.



MỤC TIÊU 4:

ĐẦU TƯ VÀO ĐỔI MỚI, CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KỸ NĂNG

Điều này có thể bao gồm việc phát triển các định hướng rõ ràng về quy trình mua sắm công, thiết lập một cơ chế tài chính hỗn hợp để huy động vốn tư nhân nhằm đầu tư vào các công nghệ phân loại và tái chế mới, cũng như các quỹ nghiên cứu tập trung vào việc tạo ra một nền kinh tế tuần hoàn cho bao bì hoặc kết hợp các nghiên cứu cứu kinh tế tuần hoàn trong các chương trình giáo dục phổ thông và đại học.



MỤC TIÊU 5:

HỢP TÁC THAY ĐỔI HỆ THỐNG

Điều này có thể bao gồm việc hợp tác giữa các khu vực tư nhân và nhà nước khi phát triển các lộ trình quốc gia để loại bỏ chất thải bao bì, điều chỉnh kỳ vọng cho hệ thống tái sử dụng trên nền kinh tế toàn cầu, và tạo ra một hướng đi chung cho một chương trình đổi mới chung hướng tới các giải pháp đóng gói có thể tái chế, tái sử dụng và phân hủy 100%.

EPR cần được bổ sung các hoạt động tự nguyện từ ngành công nghiệp

Các chính sách có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra nền kinh tế tuần hoàn trong ngành bao bì trên quy mô lớn, nhưng chỉ chính sách thì không đủ. Các hoạt động tự nguyện và đổi mới từ các doanh nghiệp trong toàn bộ chuỗi giá trị sẽ cần tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt. Sau cùng, chính các doanh nghiệp là người quyết định loại bao bì nào được đưa ra thị trường, thiết kế ra sao, và mô hình kinh doanh như thế nào.

Các doanh nghiệp hàng đầu đã đặt ra các mục tiêu kỳ vọng của kinh tế tuần hoàn cho bao bì (nhựa) mà họ đưa ra thị trường khi tham gia Cam Kết Toàn cầu về Kinh tế Nhựa mới do Tổ chức Tổ chức Ellen MacArthur Foundation phối hợp với UNEP, và/hoặc tham gia Hiệp ước Nhựa (Plastic Pacts) trên thế giới.

Tất cả đều được thống nhất với một tầm nhìn chung về nền kinh tế tuần hoàn và đang hướng tới mục tiêu cụ thể để: loại bỏ bao bì không cần thiết; đổi mới để đảm bảo các bao bì cần thiết có thể tái sử dụng, tái chế hoặc có thể phân hủy; và, lưu chuyển tất cả các bao bì sử dụng, giữ trong nền kinh tế và ngoài môi trường.

Với những doanh nghiệp chưa thực hiện được điều này, cần làm theo các doanh nghiệp đi đầu, cùng hành động quyết liệt, đầu tư các nguồn lực cần thiết, hợp tác bên trong, bên ngoài, trong nước và quốc tế để thực hiện mục tiêu.



Disclaimer

Tài liệu này được tạo ra bởi Quỹ Ellen MacArthur (Ellen MacArthur Foundation) (“Quỹ”). Quỹ đã rất cẩn trọng và cẩn mẫn trong việc chuẩn bị tài liệu này, dựa trên các thông tin được cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, Quỹ không đại diện hay đảm bảo cho bất kỳ bên nào liên quan đến bất kỳ nội dung nào của tài liệu. Quỹ (và những người hay đối tượng liên quan cũng như nhân viên và đại diện của họ) sẽ không chịu trách nhiệm với bất kỳ bên nào về bất kỳ khiếu nại hoặc tổn thất dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh liên quan đến hoặc là kết quả của việc sử dụng hoặc dựa vào thông tin có trong tài liệu, bao gồm nhưng không giới hạn những tổn thất về lợi nhuận và tổn thất do hậu quả hay hình phạt.

Chú thích

- 1 World Economic Forum, Ellen MacArthur Foundation, and McKinsey & Company, *The new plastics economy: rethinking the future of plastics* (2016)
- 2 The Pew Charitable Trust and SYSTEMIQ, *Breaking the plastic wave* (2020)
- 3 World Economic Forum, Ellen MacArthur Foundation, and McKinsey & Company, *The new plastics economy: rethinking the future of plastics* (2016)
- 4 Ellen MacArthur Foundation, *Perspective on 'Breaking the plastic wave' study* (2020)
- 5 Ellen MacArthur Foundation and UN Environment Programme, *2020 Global Commitment progress report* (2020)
- 6 Throughout the paper, unless otherwise specified, any mention of "collection, sorting, and recycling" includes both material recycling as well as organic recycling (as defined in ISO 18601:2013 to ISO 18606:2013 on 'Packaging and the Environment')
- 7 UN Environment Programme and International Solid Waste Association, *Global waste management outlook* (2015)
- 8 The Pew Charitable Trust and SYSTEMIQ, *Breaking the plastic wave* (2020)
- 9 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), definition and policy rationale
- 10 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), developments in governance arrangements
- 11 Basel Convention, *Draft manual on Extended Producer Responsibility* (2017), individual or collective EPR schemes
- 12 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), Producer Responsibilities Organisations
- 13 PREVENT Waste Alliance, *EPR toolbox* (2020), factsheet 01 and factsheet 02
- 14 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), key factors in designing EPR
- 15 The Pew Charitable Trust and SYSTEMIQ, *Breaking the plastic wave* (2020)
- 16 As You Sow, *Unfinished business* (2012); US Environmental Protection Agency, *Historical recycled commodity values* (2020); letsrecycle.com, 2020 available data; WRAP, *Market snapshots*, 2020 available data
- 17 While disposal/safe treatment is not part of a circular economy, wherever these do happen, these activities also come at a net cost and thus require funding
- 18 Ellen MacArthur Foundation, *The new plastics economy: catalysing action* (2017)
- 19 The Pew Charitable Trust and SYSTEMIQ, *Breaking the plastic wave* (2020)
- 20 Based on expert interviews and a confidential study. Also existing EPR fees for these materials are an indicator of the net cost involved
- 21 The Pew Charitable Trust and SYSTEMIQ, *Breaking the plastic wave* (2020) Table A.9/A.10 HI urban areas
- 22 Ellen MacArthur Foundation, *Perspective on 'Breaking the plastic wave' study* (2020)
- 23 While disposal/safe treatment is not part of a circular economy, wherever these do happen, these activities also come at a net cost and thus require funding
- 24 Silpa Kaza, Lisa C. Yao, Tata Bhada Perinaz, Frank Van Woerden, *What a waste 2.0: a global snapshot of solid waste management to 2050*. Urban Development, Washington, DC: World Bank
- 25 As You Sow, *Waste and opportunity 2020* (2020)
- 26 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), an overview
- 27 Institute for European Environmental Policy, *How to implement extended producer responsibility (EPR): a briefing for governments and businesses* (2019); Ocean Conservancy, *Plastic policy playbook: strategies for a plastic-free ocean* (2019); The Pew Charitable Trust and SYSTEMIQ, *Breaking the plastic wave* (2020)
- 28 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), impacts of EPR schemes
- 29 European Commission – DG Environment, *Development of guidance on Extended Producer Responsibility* (2014); Eurostat, *Recycling rate of packaging waste by type of packaging; Plastics Europe, Plastics – the facts 2020* (2020)
- 30 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), EPR in Korea and EPR for packaging waste in Japan
- 31 PREVENT Waste Alliance, *EPR toolbox* (2020), the Republic of Korea's EPR for packaging – an Asian role model
- 32 NERC and NEWMOA, *White Paper: Extended Producer Responsibility for packaging and paper products* (2020)
- 33 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2016), impacts of EPR schemes
- 34 Footprint – Sustainable Responsible Business, *New refill label launched* (website)
- 35 EUNOMIA, *Study to support preparation of the Commissions' guidance for Extended Producer Responsibility* (2020)

- 36 Rethinking Plastic – Circular Economy Solutions to Marine Litter, *Extended Producer Responsibility for packaging waste in Vietnam* (2020)
- 37 United Kingdom Department for Environment Food and Rural Affairs, *25 Year Environment Plan – Extended Producer Responsibility for packaging* (2021)
- 38 National Caucus of Environmental Legislators, *States to hold plastic packaging producers responsible* (2021)
- 39 OECD, *Environmental policy tools and evaluation – Extended Producer Responsibility, several studies* (1996–2016)
- 40 EUNOMIA, *Policy and Strategy – Extended Producer Responsibility; Radical EPR Solutions to drive the circular economy* (2017)
- 41 As You Sow, *Unfinished business: the case for EPR for post-consumer packaging* (2012)
- 42 Ocean Conservancy, *Plastic policy playbook: strategies for a plastic-free ocean* (2019)
- 43 WWF, *Extended Producer Responsibility Project* (2020)
- 44 WWF, *Position Paper – WWF Network Extended Producer Responsibility for Plastic Packaging*
- 45 Ocean Conservancy, *Plastic policy playbook: strategies for a plastic-free ocean* (2019)
- 46 Unilever website, *Our progress on plastics - collecting and processing plastic* (2020)
- 47 Nestlé website, *Nestlé intensifies its sustainable packaging transformation journey* (2020)
- 48 The Consumer Goods Forum, *Building a circular economy for packaging* (2020)
- 49 Plastics Europe, *A silver bullet for a circular economy?: a global framework for plastics 2020* (2020)
- 50 Mondelez International website, *Mondelez International commits to reduction in virgin plastic use to combat plastic pollution* (2021)
- 51 NERC and NEWMOA, *White Paper: Extended Producer Responsibility for packaging and paper products* (2020)
- 52 Flexible Packaging Association (FPA) and Product Stewardship Institute (PSI), *Shared elements of EPR for Packaging and Paper Products (PPP)* (2020)
- 53 Resource Recycling, *Ameripen starts to shift on recycling policy* (2021)
- 54 OECD, *Extended Producer Responsibility: updated guidance on efficient waste management* (2001, 2016)
- 55 EUNOMIA, *Study to support preparation of the Commissions' guidance for Extended Producer Responsibility* (2020)
- 56 PREVENT Waste Alliance, *EPR toolbox* (2020)
- 57 European Commission – DG Environment, *Development of guidance on Extended Producer Responsibility* (2014)
- 58 Product Stewardship Institute, *Extended Producer Responsibility for Packaging and Paper Products: policies, practices and performance* (2020)
- 59 Institute for European Environmental Policy, *How to implement Extended Producer Responsibility (EPR): a briefing for governments and businesses* (2019)
- 60 WWF, *Extended Producer Responsibility project: 15 basic principles for EPR* (2020); *Emerging markets deep dives* (2020); *Legal framework study* (2019)
- 61 Ocean Conservancy, *Plastic policy playbook: strategies for a plastic-free ocean* (2019)
- 62 The Consumer Goods Forum, *Building a circular economy for packaging* (2020)
- 63 EXPRA, *Best practices for successful EPR for packaging* (2013)
- 64 EUNOMIA, *PET market in Europe: state of play* (2020)



© BẢN QUYỀN 2021
QUỸ ELLEN MACARTHUR

www.ellenmacarthurfoundation.org

Đăng ký từ thiện số: 1130306
Đăng ký OSCR số SC043120
Số đăng ký công ty: 6897785